

sĩ, kĩ sư vốn là cư dân của các vùng đất khác nhau trên cả nước. Biên Hòa – Đồng Nai là nơi giúp cho hàng triệu con người đó lập nghiệp và cũng chính những con người đó đã góp phần làm cho vùng đất này trở nên giàu đẹp.

Chính điều kiện tự nhiên, lịch sử và văn hóa ấy đã khiến cho người Biên Hòa – Đồng Nai trở nên phóng khoáng, rộng mở, giàu tình yêu thương.

Ngày xưa, người Biên Hòa – Đồng Nai cứu mang, đùm bọc những người cơ nhỡ, lạ loài, xa xứ: *Nước sông trong đổ lộn sông ngoài / Thương người xa xứ lạc loài tới đây.*

Ngày nay, người Biên Hòa – Đồng Nai “*cùng cả nước, vì cả nước*”, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, góp phần làm cho đất nước ta “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Để công dân thành phố và bạn đọc xa gần hiểu thêm về *Biên Hòa xưa*, cũng như *Biên Hòa nay*, Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa chủ trương biên soạn và xuất bản những công trình chính trị, lịch sử, văn hóa, kinh tế của địa phương một cách hệ thống. Đây không chỉ là việc làm mang tính chất tri ân đối với tiền nhân, mà còn vì sự phát triển của chính địa phương trong hiện thực và tương lai, bởi không ít nơi người ta đã thấy kết quả nhãn tiền về sự thiếu hiểu biết quá khứ cho những việc đương đại.

Trên tinh thần đó, Nhà Xuất bản Đồng Nai hoàn toàn ủng hộ chủ trương của thành phố Biên Hòa và vinh dự cùng với thành phố tổ chức thực hiện các công trình xuất bản này một cách nghiêm túc, cẩn trọng.

Cuốn sách *Biên Hòa xưa* là công trình xuất bản đầu tiên của sự phối hợp này. Hiện tại, các công trình đang được tiến hành khẩn trương và sẽ ra mắt bạn đọc trong năm 2011 và các năm tiếp theo:

- *Cảm xúc quê hương* (sách ảnh về Biên Hòa xưa);
- *Lịch sử Đảng bộ thành phố Biên Hòa* (sửa chữa, bổ sung);
- *Từ điển đường phố Biên Hòa*;
- *Biên Hòa – tiềm năng và phát triển*,...

Riêng cuốn sách *Biên Hòa xưa* là tập hợp, biên soạn về lịch sử, văn hóa, kinh tế,... Biên Hòa ở những thế kỉ đã qua, từ thư tịch cổ, từ các bài viết, các công trình nghiên cứu, các tác phẩm văn học....

Việc tập hợp bài viết được chúng tôi thực hiện một cách có hệ thống và nghiêm túc. Với những văn bản đã có, chúng tôi giữ nguyên bản thư tịch và chỉ chú thích khi cần thiết. Những lỗi chính tả hoặc qui cách chính tả xưa, nay không dùng nữa, chúng tôi biên tập thống nhất để tạo sự nhất quán trong nội dung cũng như hình thức bộ sách.

Biên Hòa xưa là những trang tư liệu về lịch sử, văn hóa, giáo dục vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai xưa; những sáng tác văn chương tiêu biểu về quê hương Biên Hòa của các tác giả lớn là người Đồng Nai, từ Trịnh Hoài Đức đến Lý Văn Sâm, Huỳnh Văn Nghệ, Lương Văn Lưu, Hoàng Văn Bồn... Bên cạnh đó là những đánh giá của các học giả về vùng đất Biên Hòa xưa... Nguồn tư liệu chính được tập hợp từ các tác phẩm: *Gia Định thành thông chí* (Trịnh Hoài Đức, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Đồng Nai, 2005), *Đại Nam nhất thống chí* (Quốc sử quán triều Nguyễn, Phạm Trọng Điềm phiên dịch, Đào Duy Anh hiệu

đính, Nxb Thuận Hóa, 1996), *Biên Hòa sử lược toàn biên* (Lương Văn Lựu), *Thầy Lazaro Phiền* (Nguyễn Trọng Quản, trích từ *Truyện dài đầu tiên và tuyển tập các truyện ngắn Nam bộ*, Nxb Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 1998), những tác phẩm của Lý Văn Sâm (trích từ *Lý Văn Sâm toàn tập*, Nxb Đồng Nai, 2002), tác phẩm của Huỳnh Văn Nghệ (trích từ *Huỳnh Văn Nghệ – tác giả & tác phẩm*, Nxb Đồng Nai, 2008), tác phẩm của Bình Nguyên Lộc, Hoàng Văn Bốn, Trần Bạch Đằng, bên cạnh đó là các bài nghiên cứu về Đồng Nai của Huỳnh Lứa, Huỳnh Minh Đức, Nguyễn Đình Đầu, Sơn Nam...

Nguồn tư liệu của *Biên Hòa xưa* khá phong phú nhưng do khuôn khổ có hạn nên chúng tôi chỉ tuyển lựa bước đầu có tính chất tinh tuyển. Hi vọng trong tương lai có điều kiện bổ sung để bộ sách được hoàn thiện và đầy đặn hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Biên Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 2011

Chủ biên

BÙI QUANG HUY

TRỊNH HOÀI ĐỨC

GIA ĐÌNH THÀNH THÔNG CHÍ

Trịnh Hoài Đức là nhà văn hóa lớn nhất miền Nam, cả cuộc đời gắn bó máu thịt với đất Đồng Nai – Gia Định. Ông mang trong mình hai dòng máu Việt – Hoa, nhưng Trấn Biên đã là quê hương ông từ thuở lọt lòng, năm Ất Dậu (1765). Ông xuất thân từ một gia đình khoa bảng, cụ nội tổ Trịnh Hoài Đức đến miền Nam nước Việt từ đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648–1687), lúc đầu là Phú Xuân, sau chuyển vào Trấn Biên, người cha tên là Trịnh Khánh, có tiếng văn hay chữ tốt. Ông tên là Trịnh Khánh thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738–1765) làm quan tới chức Chấp canh tam trường cai đội. Năm Trịnh Hoài Đức lên 10, ông Trịnh Khánh mất. Trong thơ sau này, Trịnh Hoài Đức tả, ông đã đi nhiều nơi, được mẹ cho học chữ với các vị sư sãi.

Rời Trấn Biên, Trịnh Hoài Đức về ngụ tại Phiên An (sau này là tỉnh Gia Định). Ở đây, ông theo học cụ Võ Trường Toản, nhà giáo nổi tiếng nhất đương thời.

Năm Mậu Thân (1788), chúa Nguyễn Phúc Ánh cho mở khoa thi để chọn nhân tài. Đây là kì thi đầu tiên của cả vùng đất Nam bộ. Các ông Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định, vốn là bạn bè của nhau, cùng thi đỗ và được bổ làm chức Hàn lâm viện chế cáo. Năm 1793, Trịnh Hoài Đức được cử làm Đông cung thị giảng, chức quan lo việc dạy học cho hoàng tử, theo Đông cung Hoàng tử Cảnh ra trấn nhậm thành Diên Khánh (nay là tỉnh Khánh Hòa). Năm 1794, Trịnh Hoài Đức được điều về Gia Định,

giữ chức Điền tuần quan, trông coi việc khai khẩn đất đai. Sau đó không lâu, ông được thăng chức Hữu tham tri bộ Hộ, rồi Thượng thư bộ Hộ.

Trước khi lên ngôi hoàng đế (1802), chúa Nguyễn Phúc Ánh đã cử phái đoàn đi sứ nhà Thanh. Trịnh Hoài Đức được cử làm Chánh sứ, cùng với Tham tri bộ Binh Ngô Nhân Tịnh, Tham tri bộ Hình Huỳnh Ngọc Uẩn – những người bạn đồng liêu.

Đi sứ về, Trịnh Hoài Đức vẫn giữ chức Thượng thư bộ Hộ cho đến năm 1805 (Ất Sửu) thì được vua phái vào Nam, giữ chức Hiệp hành Gia Định lưu trấn. Ba năm sau, được thăng Hiệp trấn thành Gia Định, tức vị quan thứ hai ở cả vùng đất Nam bộ lúc bấy giờ.

Năm Nhâm Thân (1812), Trịnh Hoài Đức về lại kinh sư, giữ chức Thượng thư bộ Lễ, kiêm Quản Khâm thiên giám. Năm sau, ông sang giữ chức Thượng thư bộ Lại (tương đương như Bộ Nội vụ ngày nay). Lúc Tổng trấn Gia Định thành là Nguyễn Văn Nhân bị triệu về kinh (1820), Trịnh Hoài Đức được cử thay chức vụ. Khi Minh Mạng lên ngôi, ông được mời về kinh trông coi bộ Lại như trước và kiêm Phó tổng tài Quốc sử quán. Không lâu, nhà vua thăng ông lên Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh cả hai chức Thượng thư bộ Lại và bộ Binh (tương đương Bộ Quốc phòng). Thật hiếm có một người nào được trọng dụng, giữ những chức vụ quan trọng trong triều như Trịnh Hoài Đức.

Mùa thu năm 1823 (Quý Mùi), Trịnh Hoài Đức dâng sớ xin nghỉ vì sức khỏe. Vua đành lòng phải thuận, nhưng sau đó lại mời ra nhậm chức cũ. Thấy sức khỏe càng lúc càng yếu đi, Trịnh Hoài Đức lại xin cáo quan. Ông mất sau đó hai năm, Ất Dậu (1825), lúc mới 61 tuổi.

Trịnh Hoài Đức mất, nhà vua đã cho bãi triều ba ngày và truy tặng là Thiếu phó Cần chánh điện Đại học sĩ, ban tên thụy là Văn Khác. Đám tang ông được tổ chức trọng thể. Vua Minh Mạng còn phái Hoàng thân Miên Hoàng đưa thi hài Trịnh Hoài Đức về chôn tại quê nhà, làng Bình Trước, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa (nay là phường Trung Dũng, Biên Hòa). Năm 1852, bài vị ông được thờ ở miếu Trung hưng

công thần, nơi thờ tự bậc có công nhất đối với vương triều. Sang năm 1858, bài vị Trịnh Hoài Đức lại được đem về thờ ở đền Hiến Vương.

Cuộc đời làm quan của Trịnh Hoài Đức thật vinh hiển, ít người sánh được. Nhưng ông không chỉ là vị quan to mà còn là nhà văn hóa lớn.

Năm 1805, khi đang làm quan ở thành Gia Định, Trịnh Hoài Đức được vua Gia Long sai “kê khảo sự tích, cương vực, thổ sản trong địa hạt”. Nhân đó, ông đã viết bộ sách quý *Gia Định thành thông chí*, một công trình có giá trị cao về địa dư, lịch sử, văn hóa của cả vùng đất phương Nam. Những hiểu biết sâu sắc và toàn diện về Nam bộ một thời cho đến nay vẫn không có cuốn sách nào có thể thay thế *Gia Định thành thông chí*. Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam bộ không lâu, Bộ trưởng Hải quân và thuộc địa Pháp, Chasseloup, đã ra lệnh dịch và xuất bản bằng tiếng Pháp cuốn địa chí này.

Trong vòng năm mươi năm cuối thế kỉ XVIII và đầu thế kỉ XIX, ở Nam bộ có ba nhà thơ tài danh nhất: Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh và Lê Quang Định. Ba ông đã hợp thành nhóm *Gia Định tam gia*, từ văn đàn của mình là Bình Dương thi xã (có thêm các thành viên là Hoàng Ngọc Uẩn và Diệp Minh Phụng). Riêng sáng tác của Trịnh Hoài Đức có tập thơ *Cán Trai thi tập* gồm 5 phần: *Thối thực truy biên tập* (127 bài thơ); *Quan quang tập* (152 bài thơ); *Khả dĩ tập* (gồm 48 bài thơ và văn xuôi) và *Tự truyện* (gồm những ghi chép của nhà thơ về gia đình, bước hoạn lộ, đi sứ, tự bạch về sáng tác...).

Nổi bật trong văn chương Trịnh Hoài Đức là tình yêu sâu nặng đối với quê hương, đất nước. Ông đã viết khá nhiều bài thơ về từng vùng quê cụ thể: Trấn Biên, Gia Định, Hà Tiên... Cùng với quê hương, cuộc sống bình thường đã đi vào thơ văn Trịnh Hoài Đức vừa ngọt ngào, thân thuộc vừa thiết tha, yêu thương.

Tuy làm quan to nhưng Trịnh Hoài Đức luôn là người ưu thời mẫn thế, sống gần bó với dân nghèo và kì vọng ở một tương lai tốt đẹp sẽ đến với nhân dân và đất nước. Chính vì thế đương thời đại thi hào Nguyễn Du,

người sinh cùng năm với Trịnh Hoài Đức, khi đọc thơ của nhóm Bình Dương thi xã đã ghi nhận xét là một chữ *diệu*, tức trên cả mức hay, đạt đến độ tuyệt vời.

Văn bản sau đây được trích các phần: *Sơn xuyên chí* (ghi chép về núi sông); *Cương vực chí* (ghi chép về bờ cõi); *Phong tục chí* (ghi chép về phong tục); *Sản vật chí* (ghi chép về sản vật) và *Thành trì chí* (ghi chép về thành trì) của trấn Biên Hòa ở sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, bản dịch của Lý Việt Dũng (Nxb Đồng Nai, 2005).

BÙI QUANG HUY



2016/HC/VV 011367

SƠN XUYỀN CHÍ

LONG ẨN SƠN (Núi Long Ẩn)

Ở về phía tây, cách trấn 4 dặm rưỡi, đất đá cao chót vót, cây cối tốt tươi, nó làm bình phong sau cho Văn Miếu, thế núi quanh co đẹp đẽ, ở dưới có đá thủy tinh.

BỬU PHONG SƠN (Núi Lò Gốm)

Ở phía tây trấn cách 4 dặm, phía tây nam trông xuống sông lớn, làm tấm che đằng sau của núi Long Ẩn. Suối bầu tắm nhuộm, dẫn tưới ruộng đồng. Trên núi có chùa Bửu Phong, phía trái có đá đầu rồng đứng sững, phía phải có nhiều đá phẳng mặt như thiền sàng, khói mây man mác, cây cối um tùm, văn nhân nghiêng chén vịnh mùa đẹp, mỹ nữ nối gót kẻ hành hương, thật là thắng cảnh hạng nhất của trấn thành.

QUY DỰ (Hòn Rùa)

Hòn nằm giữa dòng sông Phước Long, cách phía tây trấn đến 9 dặm. Hòn dài 3 dặm, ở đó có dân cư cày cấy, dưới có sông dài uốn khúc quán quanh, thuyền buồm ra vào, sóng xao khói lượn, khi ẩn khi hiện như hình con rùa thần tắm sóng, đẹp nhất là cảnh mưa rơi.

BẠCH THẠCH SƠN (Núi Đá Trắng)

Ở về phía tây, cách trấn 10 dặm. Núi rừng quanh co, nước suối róc rách, các loài tê giác, voi, nai, hươu, ra vào từng bầy. Chân núi gối lên sườn cỏ, phía nam trông xuống chợ Ngự Tân (chợ Bến Cá).

THẠCH HỎA SƠN (Hòn Đá Lửa)

Ở địa phận thôn Bình Thạnh, tổng Phước Vinh. Gò đá từng khối lởm chởm, có nhiều khối đá lửa. Khi trời nóng nắng gắt thì đá nẩy lửa bắn ra bốn phía, trông như sao sa.

ĐÀO CANG (Hòn Gò Đào)

Tục gọi là núi Lò Gốm, ở về phía đông, cách trấn 4 dặm. Đá dựng chập chồng, sóng nước lao xao, thuở xưa đây là chỗ nung sành ngói, cảnh trí rất u nhã.

CHIÊU THÁI SƠN (nay gọi là Châu Thới)

Ở phía nam cách trấn 11 dặm rưỡi. Từng núi cao vót xanh lơ, cổ thụ rậm tốt, làm tấm bình phong châu về trấn thành, hình núi cao thấp khuất khúc, uốn lượn qua hương đông, giáp hạ lưu sông Phước Giang rồi đến gò Khổng Tước (Gò Công) thì dứt. Ở đoạn giữa tại mặt bắc nơi thôn Long Thành, giữa đồng bằng trải ra một gò cao như vách dựng, sau lưng gò ấy là chỗ bà ni Lương tu hành, có dựng am Vân Tĩnh (tục gọi là chùa Vải Lương) trông rất u nhã. Về sau quân Tây Sơn đập bỏ chùa Phật, nhưng nay nền cũ hoang phế vẫn còn.

Ở cuối hòn núi này về phía bắc tại ngã ba chẻ ra một nhánh chạy đến địa phận thôn Long Tuy thì dừng rồi bỗng nổi thành gò cao bằng phẳng rộng rãi; ở bên núi có hang hố và khe suối, dân núi ở ven quanh, trên đó có chùa Hội Sơn là chỗ thiền sư Khánh Long dựng gậy tu hành, núi trông xuống sông lớn, hành khách leo lên thăm, có cảm tưởng như tiêu sái thoát tục.

THÂN QUY SƠN (Hệ)

Tục gọi là núi Ba Ba, có suối trong núi chảy ra, là mạch phát nguyên của sông Phước Long (tục gọi ngọn sông Đồng Nai). Suối ấy có hòn đá lớn đáng như con rùa cuộn chân, đầu thường

ngó lên hướng tây, thì năm ấy mưa lụt bình thường, nếu quay mình theo dòng suối ngó về hướng đông, thì năm ấy ắt có lụt lớn. Ấy là vật thần tự nhiên, không phải là do sức người sắp xếp nổi. Người dân núi ở đây thường xem đó để biết mưa lụt lớn nhỏ trong năm, cho nên gọi là núi Thần Quy (Rùa thần), lại cũng gọi là Thọ Sơn. Núi làm giới hạn cuối cùng cho phía tây của trấn, cách trấn về phía tây bắc hơn 445 dặm, nguồn xa xưa phát từ hướng chính bắc, sườn núi nguy nga, hang động huyền ảo, làm hang ổ, sóc cho các bộ lạc man, ào chia vùng mà ở rải rác khắp nơi.

Sóng chính của núi khí lực hùng vĩ, từ trong ấy chạy đến rồi nổi lên núi Quy Sơn cao ngất, vị trí ở về hướng tây bắc. Khởi thủy (thủy) là ngọn núi Hỏa Tinh cao nhọn làm núi tổ cho một phương. Lại còn có nhiều hòn núi chạy giăng, trùng trùng điệp điệp, mở ra như màn trướng theo hai bên tả hữu, vây quanh phía bắc đến phía đông, đồ sộ liên tiếp, đất đá lẫn lộn, tức là núi Bàu Chiêng, núi Chứa Chan, núi Lai (Lây), núi Nục, núi Liên, núi Tiểu Nghiêu và các núi Mô Xoài, núi Bà Địa, núi Thùy Vân giáp biển mới hết.

Phía bắc núi Liên Sơn là trấn Thuận Thành là địa giới người man, phía nam là trấn Biên Hòa cũng là địa giới man đã thuần thuộc. Nhánh bên phải quanh lên phía tây rồi qua phía nam là núi Cố, núi Bà Rá, núi Lấp Vò, gò đồng trời thụt, qua hẻm băng ruộng, có chỗ hình trăng bằng, có chỗ hình râu chuỗi, có nhiều tên gọi và hình trạng khác nhau, lại có núi Bà Đình, núi Lò Yêm đến sông lớn nước Cao Miên mới dứt.

THIỆT KHÂU SƠN

Tục gọi là núi Lò Thổi, ở phía bắc Phước Giang, phía đông cách trấn 19 dặm, do sông Đồng Chân đi quanh qua phía bắc 3 dặm rưỡi là chợ Lò Sắt, ở đây gò đồng lồ lôm, rừng rú xanh

rậm, người làm sắt tụ hợp thành chợ, mở lò nung, cung nạp thuế sắt, quặng sắt rất thịnh vượng. Năm Tân Mùi (1811) niên hiệu Gia Long thứ 10, có người tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) là Lý Kinh Tú và Lâm Húc Tam xin trưng thuế, mở lò chế tạo rất tinh xảo, được nhiều sắt tốt, đúc làm nồi chảo, thu nhiều lợi, rồi sau đem hết của cải về quê ở đất Mân (thuộc tỉnh Phúc Kiến). Ấy là chỗ trời đất ân huệ giúp cho dân nghèo kiếm sống vậy.

KÝ SƠN (NÚI KÝ – còn gọi là núi Hỏa Phát)

Tục gọi là núi Bà Ký, ấy là lấy theo tên người.

Ở về phía đông cách trấn 91 dặm, có đất đá, suối nước ngọt, cây cối rậm rạp, chim muông tụ tập, người bốn phương kéo đến ở, họ chuyên nghề săn bắn và dẫn gỗ để sinh nhai.

NỮ TĂNG SƠN (NÚI BÀ VÃI, nay gọi là núi Thị Vải)

Tục gọi là núi Bà Vải, ở địa phận huyện Long Thành. Xưa có người con gái họ Lê, gia tư giàu có, nhưng do kén chọn lỡ thì, sau khi cha mẹ mất rồi mới có chồng nhưng không được bao lâu chồng cũng chết, bà thể không tái giá, nhưng bị kẻ cường hào cậy mai mối thường đến quấy nhiễu, bà bèn trốn đời xuống tóc, lập am ở đỉnh núi, tự làm bà thầy cả, kẻ ăn người ở làm đồ đệ, giữ lòng tu tập, sau thành chánh quả, do đó người đời lấy từ bà vải mà đặt tên núi.

Núi này cách phía đông trấn 120 dặm, đất đá lổm chổm, cây cối to lớn um tùm. Nếu đứng ở thành Gia Định mà trông thì nó giống như viên ngọc màu xanh vàng bày ra nét đẹp. Dân núi ở đó lấy khai thác thổ sản ở núi để sinh sống, như cây gỗ, nhựa cây, than củi và muông thú.

LÀNG GIAO SƠN (Núi Làng Giao)

Ở địa phận huyện Long Thành, về phía đông bắc cách trấn 132 dặm rưỡi. Có đất đá, khe suối, cây cối um tùm, trại sách của các dân tộc man dã thuần thuộc nương theo chân núi cùng sống với hùm, beo, tê, voi.

TRẦN BIÊN SƠN (Núi Trấn Biên)

Tục gọi là núi Mô Xoài ở về phía đông cách trấn 145 dặm. Hình núi cao ngất, cổ kính, có nhiều hang nai, đồi thông, mây phủ, thác suối, cảnh trí tịch mịch, châu về thành Gia Định từ xa, cảnh núi trải ra đẹp đẽ. Lưng chừng sườn núi có động đá sâu, quanh co chật hẹp chưa ai đi vào cho hết được. Có nhà sư tịch cốc tên là Ngô Chân, dựng chùa Đức Vân nơi cửa động để tu hành, hằng ngày chỉ ăn rau quả để tụng niệm Phật hiệu, thuần phục được cả hùm beo, lại giỏi vẽ bùa chữa bệnh, thâu được lễ tạ của người thì đem cấp cho người nghèo khổ, khốn cùng. Ấy cũng là một vị cao tăng đặc đạo vậy.

BÀ ĐỊA SƠN (Núi Bà Rịa)

Ở về phía đông bắc cách trấn 176 dặm rưỡi. Núi đá lởm chởm, cây cối xanh tốt, núi trông xuống chợ Long Thành, chắn ngang giữa đại lộ; dân ở đó đào mở đường giữa sườn núi để xe ngựa đi qua, hai bên đường tường đứng cao như vách, tựa như dững đạo vậy.

SA TRÚC SƠN (Núi Sa Trúc)

Tục gọi là núi Nứa, cách phía đông trấn 185 dặm, trên núi có nứa, dưới núi có chằm lớn, người tụ tập làm nghề đánh cá.

THÙY VÂN SƠN (Núi Thùỳ Vân)

Ở về phía đông cách thành 194 dặm. Thế núi đứng dựa nơi bờ biển, cao lớn đẹp lạ thường, đỉnh chọc thẳng lên trời, nhìn thấy có mây từ trên núi tỏa xuống, cho nên mới có tên ấy. Trên núi có chùa Hải Nhật, là chỗ trông ra biển để đo bóng mặt trời. Phía bắc chân núi, cây cối xanh tươi, đó là hang lợn rừng về nghỉ ngơi, ở chân núi còn có đầm to từ biển thông vào, gọi là Sơn Trư Úc (tục gọi là bãi Heo), khi gió nam thổi mạnh, tàu thuyền thường vào đậu đấy để tránh gió.

THẮT KÝ SƠN

Tục gọi là núi Gành Rái, cách phía đông trấn 243 dặm rưỡi. Phía bắc từ trong chằm lớn băng qua khe rạch, tụ hợp cát đá, chạy về hướng đông mà mọc ra, quanh vòng qua hướng tây, uốn lượn dáng như con rồng xanh tắm biển, rồi nổi lên 3 ngọn núi đá đứng sừng như chân đỉnh ở giữa biển; dựng làm bãi neo cột nêu giữa biển, để chỉ rõ bờ bến cho thuyền nam bắc qua lại và ngăn sóng lớn dậy cuộn suốt ngày. Đầu núi làm cửa phải cho Tắc Ký, đuôi núi làm bình phong che ngoài cho Cần Giờ, phía trong có vũng lớn làm chỗ cho ghe thuyền neo đậu nghỉ ngơi. Trên núi có suối nước ngọt phun ra, dưới có dân chài sinh sống, thật là một cửa bể có phong cảnh đẹp nhất. Ở đầu gành thường có rái cá xuất hiện, nên mới có tên là núi Gành Rái.

THẦN MẪU SƠN

Tục gọi là mũi Bà Kéc, làm ranh giới phía bắc của trấn, cách trấn 249 dặm; có những đá đứng dọc theo bờ biển, dưới có nhiều rạn đá, trên có nhiều động cát, hay nổi gió to sóng dữ bất thường, người đi thuyền đến đây luôn cẩn thận. Trong động có miếu linh thờ Thần Nữ ở núi, mặt tiền miếu trông ra đường cái

quan, hành khách chiêm lễ thường phải thành kính cúng bái và thả gà sống, treo giấy tiền để cầu thần phù hộ.

PHƯỚC LONG GIANG

Tục gọi là sông Đồng Nai, là một sông lớn ở phủ Phước Long, nên lấy tên phủ đặt tên sông (sau phần đông phỏng theo như thế).

Phát nguyên của sông này rất sâu xa, suối vực sâu rộng, xuất phát từ núi Thần Quy chảy ra, do nước đọng trong các núi, muôn hốc thông thương hợp lại nên dòng nước mênh mông, chảy xuống hướng đông cho đến Tiểu Giang (sông Bé), xóm Sa Tân (Bến Cát), một hướng chảy về thác đá lởm chởm, nước chảy hung hãn hiểm ác, nên ghe thuyền không lưu thông được; nước thủy triều chỉ lên đến đây là dừng, thuyền buôn cũng đậu tại đây rồi lên trạm thuế giao dịch với người Thượng⁽¹⁾.

Từ đây trở xuống, sông rộng nước sâu, nước ngọt trong veo là thứ nước có tiếng tốt nhất thành Gia Định để dùng gội đầu hay pha trà, dù nước suối Trung Linh ở Kim Sơn hay Bạch Hạc ở Ba Lãng (Trung Quốc) cũng không hơn được. Chảy xuống một quãng nữa thì cùng sông Tân Bình hợp lưu thành ra sông Phước Bình, rồi chảy xuống hướng đông ra cửa biển lớn Cần Giờ. Thường đến tháng 8 hàng năm nước lụt đổ xuống, rửa sạch bao xú ố, lan tỏa khắp ruộng nương, tuy lụt có lớn nhỏ nhưng không sợ nạn tràn ngập mênh mông, người chết, nhà trôi, bởi vì sông này có nhiều nhánh rút chảy ra biển rất nhanh.

¹ Thượng: tên gọi dân tộc ít người, nay không dùng nữa.